

Bản án số: 343/2023/DSPT

Ngày: 23/03/2023

V/v : Tranh chấp đòi lại
tiền mua hàng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Ông Nguyễn Đình Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/DSPT ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp đòi lại tiền mua hàng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 305/2022/DSST ngày 30/08/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 385/2023/QĐPT-DS ngày 06/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2189/2023/QĐ-PT ngày 02/03/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Trà H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 291 đường Nguyễn Trọng T, phường TK, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972

Địa chỉ: 48 NH, Phường PLA, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần LS

Địa chỉ trụ sở: Số 7, đường D4, phường TH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Beller Yehuada Shmuel – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1984

- Bà Ngô Thị Như H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 7, đường D4, phường TH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH SM

Địa chỉ: Số 7, đường D4, phường TH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH SM: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1984

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn là bà Ngô Thị Trà H

(Phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà T1, bà Hoa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 20/01/2020, ngày 10/12/2020 của nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H (sau đây viết tắt là bà H) thì, bà H mua hàng và thanh toán tiền tại KE (địa điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần LS) (sau đây gọi tắt là công ty L), chi tiết như sau:

Thời gian	Invoice số	Người đại diện bán hàng	Sản phẩm và mục giao dịch	Số lượng	Thành tiền (VND)
04/06/2020	2039	Jold và K	Royalty Active Serum 50ml	1	7.200.000
05/06/2020	2048	Omer và K	Deposit (ID-1377)	1	10.000.000
05/06/2020	2049	Jold, Omer và K	Perfectio Plus (gold) PERFECTIO 900	1	96.000.000
08/06/2020	2087	Jold, Omer và K	Perfectio X ZERO GRAVITY	1	90.000.000
04/07/2020	2037	Mr Jold, Mr Omer và K	Deposit ID-1377	1	4.000.000
09/07/2020	2500	Mr Omer và K	Hyaluronic- set 29250 kedma	1	50.000.000
16/07/2020	2607	Mr Omer và K	Perfectio (silver) 850	1	20.000.000
01/08/2020	3239	Mr Omer và K	Hyaluronic set 29250 Kedma	1	65.100.000
01/08/2020	3239	Mr Omer và K	Royalty Signature 29246	1	9.900.000

		Kedma		
Tổng cộng			9	352.200.000

Tổng số tiền bà H đã thanh toán là 352.200.000 đồng, thể hiện bằng Bản in giấy từ máy tính tiền của công ty L nhưng bà H không nhận được hóa đơn tài chính cho số tiền đã thanh toán. Người bán hàng của công ty L cho biết thông tin các sản phẩm đều được nhập từ nước Israel và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản cá nhân mà không xuất hóa đơn tài chính để chịu trách nhiệm cho sản phẩm mình bán ra. Trong quá trình sử dụng các sản phẩm là mỹ phẩm đã mua, bà H thấy các sản phẩm không mang lại hiệu quả như người bán hàng quảng cáo. Qua tìm hiểu, bà H không tìm thấy có sự tồn tại công ty sản xuất sản phẩm có thương hiệu Kedma tại nước Israel. Ngày 20 tháng 10 năm 2020, bà H gửi văn bản “Thư thông báo” về việc hoàn tiền cho các sản phẩm công ty L đã bán ra. Bà Thanh D nhân viên công ty L đã ký xác nhận vào văn bản, tuy nhiên không có phản hồi.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, bà H trực tiếp đến làm việc tại trụ sở công ty L. Đại diện bị đơn xác nhận không đồng ý giao hóa đơn chứng từ đã nhận tiền hàng, không xuất trình các giấy tờ liên quan đến xuất xứ các loại hàng đã bán cho bà H, đồng thời từ chối trả lại tiền. Đến nay, công ty L vẫn chưa trả tiền và hóa đơn bán hàng theo yêu cầu của bà H. Bà H chưa nhận hóa đơn tài chính hợp pháp từ bị đơn, bị đơn bán 09 sản phẩm không nhập khẩu trực tiếp từ nước Israel như quảng cáo và cam kết với nguyên đơn nên không có dữ liệu trên hệ thống quản lý của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Các tài liệu bị đơn cung cấp cho Tòa án liên quan đến đơn vị nhập khẩu, người nhập khẩu và bị đơn khác nhau, không có tài liệu chứng minh quan hệ giữa họ nên đề nghị Tòa án không xem xét các tài liệu này. Nên bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn công ty L trả lại số tiền đã mua hàng là 352.200.000 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần LS (sau đây gọi tắt là công ty L) có Bà Nguyễn Thị Kim T1 đại diện theo ủy quyền trình bày tại các văn bản và bà Ngô Thị Như H trình bày tại phiên tòa như sau: Bà H vừa đặt cọc và mua hàng làm nhiều đợt vào thời gian khác nhau tại cửa hàng của công ty L với số tiền 353.100.000 đồng. Sau vài tháng sử dụng, bà H đến cửa hàng của công ty khiếu nại và đòi hoàn lại số tiền đã mua hàng với lý do dị ứng da. Công ty có mời bà H đến công ty để giải quyết và tìm nguyên nhân nhưng bà H từ chối. Sau khi không được công ty hoàn tiền vì bà H đã sử dụng mỹ phẩm và dịch vụ bên công ty khá nhiều thì bà H đã đến cửa hàng của công ty và tác động đến những khách hàng đang có mặt tại cửa hàng, đồng thời bà H còn lập những trang facebook để bôi nhọ sản phẩm của công ty làm ảnh hưởng việc kinh doanh của công ty. Nhiều lần công ty mời bà H đến công ty để giải quyết nhưng bà H không đến. Các sản phẩm của công ty bán ra hợp pháp có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, sản phẩm là máy massage được khai báo thuế Hải quan đầy đủ, các sản phẩm là mỹ phẩm được nhập khẩu từ nước Israel có khai báo thông quan tại Hải quan khi nhập khẩu. Khi bán sản phẩm cho bà H công ty đã giao hóa đơn bán hàng ngay sau đó

cho bà H, do bà H không có yêu cầu về hóa đơn giá trị gia tăng nên công ty không xuất hóa đơn này và công ty chỉ xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng khi khách hàng có yêu cầu. Nên bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phần trình bày của đại diện nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH SM (sau đây gọi tắt là công ty S) có Bà Nguyễn Thị Kim T1 đại diện theo pháp luật trình bày tại các văn bản trình bày ý kiến như sau: Công ty S cam kết những sản phẩm công ty L bán có sản phẩm bà H mua đều do công ty S nhập khẩu từ Israel, có giấy chứng nhận của Bộ y tế cấp, được phép sử dụng và nhập khẩu, có chứng từ nhập khẩu tại cửa khẩu Hải quan các Cảng tại Việt Nam.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 305/2022/DSST ngày 30/08/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H về việc yêu cầu bị đơn công ty cổ phần L Sale trả số tiền đã mua hàng là 352.200.000 (ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm ngàn) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 17.610.000 (mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn) đồng, nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H phải chịu, bà Ngô Thị Trà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 8.805.000 (tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0042092 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Trà H còn phải nộp số tiền là 8.805.000 (tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/09/2022 nguyên đơn là bà Ngô Thị Trà H nộp đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì Tòa án cấp sơ thẩm đưa công ty SM vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và dựa vào tài liệu chứng cứ thu thập được từ công ty này để giải quyết vụ án là không đúng. Mặt khác, bị đơn đã lừa dối nguyên đơn về xuất xứ hàng hóa và hàng hóa sử dụng không đúng như bị đơn quảng cáo nên hợp đồng vô hiệu, đề nghị bị đơn trả lại số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn .

Đại diện bị đơn và đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nộp trong hạn luật định. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tiền mua hàng”. Do nguyên đơn công ty LS có địa chỉ trụ sở tại Quận B nên Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng. Do có kháng cáo của bị đơn nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về người tham gia tố tụng và sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Ngô Thị Như H, Bà Nguyễn Thị Kim T1 và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Xét, Công ty TNHH SM là công ty đã cung cấp hàng hóa, sản phẩm mỹ phẩm cho Công ty Cổ phần LS nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Công ty TNHH SM vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và sử dụng các tài liệu chứng cứ thu thập từ công ty này là phù hợp với khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn: bà Ngô Thị Trà H yêu cầu công ty cổ phần LS trả số tiền hàng đã mua là 352.200.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H mua 03 sản phẩm máy massage và 04 loại mỹ phẩm tại công ty L. Công ty L không trực tiếp nhập khẩu sản phẩm trên mà mua lại hàng của công ty S để kinh doanh theo Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa số 0105/HĐNT/SS-LS/2018, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/5/2018 đến ngày

30/4/2023. Căn cứ vào các hóa đơn bà H mua hàng, các tờ khai hàng hóa nhập khẩu, sổ tờ khai, tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai, ngày đăng ký, số tiền thuế phải nộp; Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm do Cục Quản lý dược Bộ y tế ký tên đóng dấu và được khai nhập khẩu thông quan tại Hải quan do công ty S nhập khẩu cho thấy các sản phẩm, mỹ phẩm mà công ty L bán cho bà H đó đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được phép nhập khẩu và bán tại Việt Nam.

Đại diện nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm trình bày là về xuất xứ hàng hóa cũng như hiệu quả sử dụng các hàng hóa là do người giám đốc công ty LS nói cho nguyên đơn chứ không có thể hiện ở hóa đơn tính tiền hay bất cứ giấy tờ gì khác. Bên cạnh đó, Bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc công ty L cung cấp thông tin về xuất xứ và hiệu năng của sản phẩm là không đúng cũng như việc sử dụng mỹ phẩm của công ty L dẫn đến việc bà bị dị ứng da.

Giữa nguyên đơn và bị đơn có việc mua bán các sản phẩm, nguyên đơn đã nhận hàng và thanh toán tiền. Bị đơn đã giao hàng, nhận tiền và xuất hóa đơn. Việc mua bán giữa hai bên là tự nguyện, không bị ép buộc, mục đích và nội dung không trái qui định pháp luật. Bà H cho rằng công ty L đã lừa dối bà nhưng không chứng minh được. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn về việc hợp đồng vô hiệu mà hợp đồng đã phát sinh hiệu lực tại thời điểm giao kết theo qui định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc mua hàng của bà H được công ty L xuất hóa đơn bán hàng, bà H thực hiện trả tiền nhiều đợt và việc trả tiền mặt hay chuyển khoản là do 2 bên thỏa thuận theo quy định tại Điều 433 Bộ luật dân sự năm 2015 về giá và phương thức thanh toán. Việc có xuất hóa đơn tài chính hay không là do người mua có yêu cầu hay không, và nếu vi phạm quy định về xuất hóa đơn công ty L phải chịu trách nhiệm với cơ quan Thuế về việc này, nên không có căn cứ việc người bán không xuất hóa đơn tài chính là không chịu trách nhiệm cho sản phẩm của mình.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu trên của nguyên đơn nên Tòa án cấp Phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[2.2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Ngô Thị Trà H phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H về việc yêu cầu bị đơn công ty cổ phần LS trả số tiền đã mua hàng là 352.200.000 (ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm ngàn) đồng.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 17.610.000 (mười bảy triệu sáu trăm mười ngàn) đồng nguyên đơn bà Ngô Thị Trà H phải chịu, bà Ngô Thị Trà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 8.805.000 (tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0042092 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Trà H còn phải nộp số tiền là 8.805.000 (tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn) đồng.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Ngô Thị Trà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0014721 ngày 15/09/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B
- Chi cục THADS Quận B ;
- Các đương sự;
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương

